

TỔNG QUAN

Ngày 14/03/2024, tại Trụ sở Chính phủ, Thủ tướng Phạm Minh Chính chủ trì Hội nghị triển khai nhiệm vụ điều hành chính sách tiền tệ năm 2024 tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô.

Tại hội nghị, NHNN báo cáo năm 2023 đã triển khai quyết liệt, đồng bộ và kịp thời các giải pháp tiền tệ, tín dụng nhằm góp phần hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho SXKD, phục hồi tăng trưởng kinh tế nhưng vẫn đảm bảo giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, ngoại hối và an toàn hệ thống ngân hàng. Lạm phát được kiểm soát bình quân ở mức 3,25%; lãi suất của các giao dịch phát sinh mới cuối năm 2023 giảm hơn 2,5%/năm so với đầu năm.

Đến cuối năm 2023, TD toàn nền kinh tế tăng 13,78% so với cuối năm 2022; cơ cấu TD tiếp tục tập trung cho lĩnh vực SXKD, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng, TD đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát. Do khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao, trong 2 tháng đầu năm 2024, TD nền kinh tế giảm 0,72% so với cuối năm 2023. Tuy nhiên, tốc độ giảm của tháng 2 đã chậm lại (-0,05%) so với tháng 1 (-0,6%). NHNN cho biết, mức giảm TD nằm ở hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế, chỉ có 2 lĩnh vực tăng trưởng trong 2 tháng đầu năm, đó là BĐS tăng 0,23% và chứng khoán tăng 2,56% so với cuối năm 2023. NHNN cũng nêu ra một rủi ro đáng quan tâm đối với hoạt động ngân hàng, đó là, việc huy động vốn qua cổ phiếu, trái phiếu, FDI tăng thấp so kỳ vọng do những khó khăn trên thị trường trái phiếu, BĐS chưa được giải quyết căn cơ, triệt để, ... khiến nguồn vốn phục vụ tăng trưởng tiếp tục tập trung vào TD ngân hàng (tỷ lệ Tín dụng/GDP tăng cao, cuối năm 2023 đạt khoảng 133%, tăng so với mức 125% cuối năm 2022), tiềm ẩn rủi ro an toàn hệ thống tài chính, tiền tệ.

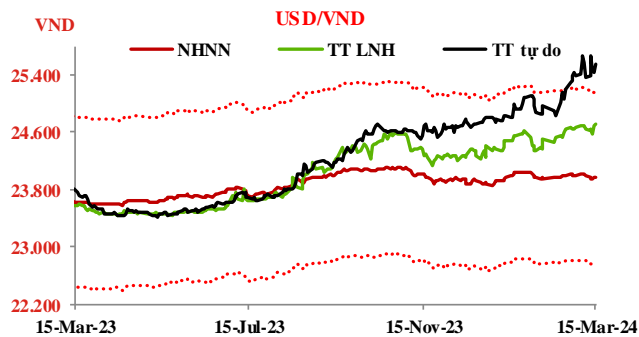
Tại Hội nghị, NHNN cũng đã báo cáo các khó khăn trong việc cấp TD những tháng đầu năm. Những nguyên nhân khách quan gồm: (i) yếu tố thời vụ khi nhu cầu vốn TD thường tăng cao vào dịp cuối năm và thời điểm trước Tết nguyên đán, quy mô TD khó tăng trưởng nhanh trong đôi tháng đầu năm; (ii) cầu và sức hấp thụ vốn của nền kinh tế vẫn còn ở mức thấp (nhiều doanh nghiệp thu hẹp hoặc ngừng hoạt động do sức ép giá cả vật liệu tăng, thiếu đơn hàng, chi phí SXKD cao, nhu cầu vay vốn suy giảm; người dân tăng dự phòng và giảm vay chi tiêu; mức độ tăng/giảm TD của hệ thống phụ thuộc khá lớn vào mức tăng/giảm của TD BĐS khi khoản này chiếm tới 21% tổng dư nợ TD, ...); (iii) một số nhóm khách hàng có nhu cầu nhưng chưa đáp ứng được điều kiện vay vốn; nhất là đối tượng DN nhỏ và vừa do quy mô vốn nhỏ, năng lực hạn chế, thiếu phương án kinh doanh khả thi, các giải pháp tăng tiếp cận TD thông qua Quỹ Bảo lãnh TD, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, ... chưa thực sự phát huy hiệu quả; (iv) Các TCTD gặp khó khăn trong triển khai một số chương trình, chính sách TD như: đối với Chương trình 120.000 tỷ đồng, các quy định pháp luật liên quan đến dự án nhà ở xã hội (quỹ đất, trình tự, thủ tục mua bán, định giá, ...) còn nhiều vướng mắc; số lượng dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư rất ít; một số điều kiện đối với người mua nhà không còn phù hợp; đối với các gói cho vay tiêu dùng, thu nhập của người lao động sụt giảm trong bối cảnh thất nghiệp, mất việc làm tăng cao nên không có nguồn để trả nợ dẫn đến cầu TD tiêu dùng giảm; (v) khả năng huy động vốn trung, dài hạn của TCTD còn thấp so với nhu cầu vốn trung dài hạn của nền kinh tế.

Về nguyên nhân chủ quan, NHNN cho rằng, một số TCTD còn thận trọng trong thực hiện cấp TD do nợ xấu tăng; một số khoản nợ cũ lãi suất cao chậm được điều chỉnh giảm để hỗ trợ DN và cá nhân vay vốn; một số TCTD quy trình thủ tục cho vay vẫn chậm được cải tiến, nhất là thời gian xét duyệt cho vay còn dài, định giá và quyết định tài sản thế chấp quá thận trọng; việc thực hiện cơ chế tài sản bảo đảm còn thiếu linh hoạt, chủ yếu dựa vào tài sản thế chấp, nhất là trong điều kiện thị trường BĐS đang trầm lắng.

Chỉ đạo tại Hội nghị, Thủ tướng Chính phủ khẳng định, 2024 là năm tăng tốc, bứt phá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc thực hiện thắng lợi Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025. Mục tiêu tổng quát đã được đề ra trong Kết luận của Trung ương, Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết của Chính phủ: Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; đồng thời, chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế, gìn giữ môi trường hòa bình và điều kiện thuận lợi cho phát triển đất nước. Một số mục tiêu cụ thể là tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 6 - 6,5%; tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân ở mức 4,0 - 4,5%; tỷ lệ nợ xấu nội bảng (không bao gồm các NHTM yếu kém) dưới 3%; tăng trưởng TD đạt 15%, ...

Định hướng chỉ đạo, điều hành ngành ngân hàng, Thủ tướng khái quát bằng ba cụm từ: "5 tăng", "5 giảm", "5 tăng tốc, bứt phá": "Năm tăng" gồm: tăng khả năng tiếp cận và hấp thụ TD, nhất là đối với DN vừa và nhỏ, các động lực tăng trưởng truyền thống và các động lực tăng trưởng mới; tăng tháo gỡ vướng mắc pháp lý và chất lượng TD; tăng cường phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa Nhà nước, NH, DN và năng lực quản trị điều hành của NH, của thị trường tài chính; tăng công khai, minh bạch về lãi suất huy động, cho vay và chống TD đen; tăng cường giám sát kiểm tra và phòng ngừa rủi ro, chống tham nhũng, tiêu cực. "Năm giảm" gồm: Giảm lãi suất cho vay; giảm chi phí giao dịch, hoạt động; giảm thủ tục hành chính; giảm phiền hà, sách nhiễu; giảm tiêu cực, lợi ích nhóm, "sân sau", ... "Năm tăng tốc, bứt phá" gồm: Tăng tốc, bứt phá về số hóa; tăng tốc, bứt phá về chất lượng dịch vụ; tăng tốc, bứt phá về chất lượng nguồn nhân lực; tăng tốc, bứt phá về hạ tầng ngân hàng; tăng tốc, bứt phá về phục vụ SXKD, tạo công ăn việc làm, sinh kế cho người dân, góp phần tăng trưởng kinh tế.

Thị trường ngoại tệ



Trong tuần từ 11/03 - 15/03, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh giảm đầu tuần rồi tăng trở lại ở các phiên cuối tuần. Chốt ngày 15/03, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 23.979 VND/USD, giảm nhẹ 17 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. NHNN tiếp tục niêm yết tỷ giá mua giao ngay ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay cuối tuần được niêm yết ở mức 25.127 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá.

Tỷ giá LNH trong tuần từ 11/03 - 15/03 tăng dần qua từng phiên. Kết thúc phiên 15/03, tỷ giá LNH đóng cửa tại 24.720 VND/USD, tăng 80 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Tỷ giá trên thị trường tự do tăng – giảm đan xen trong tuần qua. Chốt phiên 15/03, tỷ giá tự do cùng tăng mạnh 260 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 25.560 VND/USD và 25.640 VND/USD.

Thị trường tiền tệ liên ngân hàng

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	W/W	USD	W/W	Kỳ hạn	Lợi suất	W/W
ON	0.86	0.06	5.20	0.00	3Y	1.40	0.063
1W	1.09	0.03	5.30	0.01	5Y	1.64	0.086
2W	1.44	0.12	5.37	0.01	7Y	2.01	0.060
1M	2.04	-0.02	5.40	0.00	10Y	2.53	0.022
2M	2.60	0.02	5.48	-0.02	15Y	2.71	-0.005
3M	2.81	0.01	5.55	-0.01			
6M	4.19	-0.09	5.63	0.03			
9M	4.71	0.02	5.70	0.00			
1Y	5.29	0.05	5.74	0.00			

Trong tuần từ 11/03 - 15/03, lãi suất VND LNH tăng nhẹ ở các kỳ hạn ngắn trong khi giảm nhẹ ở kỳ hạn 1M. Chốt ngày 15/03, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 0,86% (+0,06 đpt); 1W 1,09% (+0,03 đpt); 2W 1,44% (+0,12 đpt); 1M 2,04% (-0,02 đpt).

Lãi suất USD LNH hầu như không biến động nhiều ở tất cả các kỳ hạn. Phiên 15/03, lãi suất USD LNH đóng cửa ở mức: ON 5,20% (không đổi); 1W 5,30% (+0.01 đpt); 2W 5,37% (+0,01 đpt) và 1M 5,40% (không đổi).

Thị trường mở

Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TP/NHNN từ 11/03 đến 15/03/2024

Đơn vị: Tỷ đồng	KL chào thầu	KL trúng thầu	KL đảo hạn	Ròng	KL lưu hành
Nghiệp vụ cầm cố	15.000	-	-	-	0.00
Nghiệp vụ mua bán tín phiếu NHNN	0	74.998.60	-	- 74.998.60	74.998.60
Tổng cộng				- 74.998.60	

* NHNN bơm, hút ròng, trong đó dấu "+" là bơm ròng; dấu "-" là hút ròng

Trên thị trường mở tuần qua từ 11/03 - 15/03, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 15.000 tỷ VND, lãi suất ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không còn khối lượng lưu hành trên kênh này.

Trong tuần qua, NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất ở tất cả các phiên. Hết tuần, có tổng cộng 74.998,6 nghìn tỷ trúng thầu, lãi suất đều ở 1,4%/năm.

Như vậy, NHNN hút ròng 74.998,6 nghìn tỷ VND từ thị trường trong tuần qua bằng kênh thị trường mở, khối lượng tín phiếu NHNN lưu hành cũng tạm thời đứng ở mức này.

Thị trường trái phiếu chính phủ:

Giao dịch trên thị trường sơ cấp:

Ngày 13/03, KBNN huy động thành công 11.000 tỷ đồng/12.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu, tương đương tỷ lệ trúng thầu là 92%. Trong đó, kỳ hạn 5Y huy động được toàn bộ 3.000 tỷ đồng gọi thầu, kỳ hạn 10Y và 15Y huy động được toàn bộ 4.000 tỷ đồng gọi thầu mỗi kỳ hạn. Kỳ hạn 20Y và 30Y gọi thầu 500 tỷ đồng mỗi kỳ hạn, nhưng đấu thầu thất bại. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 5Y là 1,47% (+0,03 đpt so với phiên đấu thầu trước), 10Y 2,36% (+0,03 đpt), 15Y 2,56% (+0,03 đpt).

Trong tuần này, ngày 20/03, KBNN chào thầu 13.500 tỷ đồng TPCP, trong đó kỳ hạn 5Y chào thầu 3.000 tỷ đồng, kỳ hạn 10Y và 15Y chào thầu 5.000 tỷ đồng/kỳ hạn và 30Y chào thầu 500 tỷ đồng.

Thị trường TPCP sơ cấp

Đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi	Tỷ lệ trúng thầu	Tỷ lệ đặt thầu	Số TV tham gia
MOF	13-Mar-24	5	3000	3000	1.47%	0.03%	100%	1.35	3.00
MOF	13-Mar-24	10	4000	4000	2.36%	0.03%	100%	2.60	9.00
MOF	13-Mar-24	15	4000	4000	2.56%	0.03%	100%	2.23	6.00
MOF	13-Mar-24	20	500	0	0.00%	0.00%	0%	0.20	1.00
MOF	13-Mar-24	30	500	0	0.00%	0.00%	0%	0.20	1.00
Tổng			12000	11000			92%	0.00	

Giao dịch trên thị trường thứ cấp: Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp trong tuần qua đạt trung bình 8.815 tỷ đồng/phiên, giảm mạnh so với mức 13.599 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó.

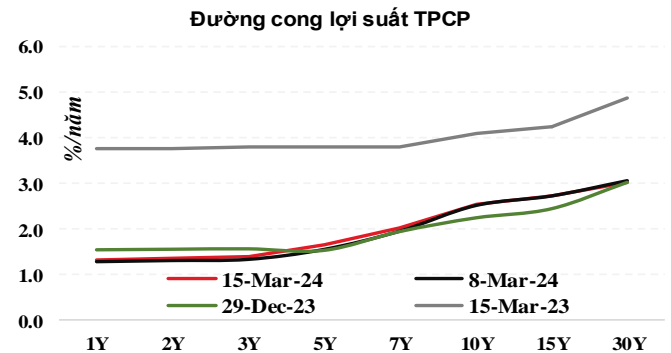
Thống kê giao dịch Outright						Thống kê giao dịch Repos					
Ngày	< 2 năm	2 - 5 năm	5 - 10 năm	> 10 năm	Tổng	Ngày	< 31 ngày	31 - 60 ngày	60 - 92 ngày	> 92 ngày	Tổng
11/Mar/24	52	310	2,187	4,178	6,727	11/Mar/24	179	-	-	-	179
12/Mar/24	159	108	2,786	2,216	5,270	12/Mar/24	2,641	-	-	-	2,641
13/Mar/24	53	467	3,413	3,544	7,477	13/Mar/24	1,141	1,586	-	-	2,727
14/Mar/24	116	843	2,202	3,607	6,768	14/Mar/24	4,077	1,899	-	-	5,976
15/Mar/24	52	432	2,040	1,510	4,034	15/Mar/24	2,277	-	-	-	2,277
Tổng	433	2,159	12,629	15,055	30,276	Tổng	10,315	3,485	-	-	13,800
+_WoW	64	(814)	(3,251)	(13,170)	(17,172)	+_WoW	(7,604)	858			(6,746)
% WoW	17%	-27%	-20%	-47%	-36%	% WoW	-42%	33%			-33%
Tỷ trọng	1%	7%	42%	50%	100%	Tỷ trọng	75%	25%	0%	0%	100%

Đvt: Tỷ đồng

Đvt: Tỷ đồng

Lợi suất TPCP trong tuần qua có xu hướng tăng ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ kỳ hạn 15Y và 30Y. Chốt phiên 15/03, lợi suất TPCP giao dịch quanh 1Y 1,33% (+0,04 đpt so với phiên trước đó); 2Y 1,37% (+0,05 đpt); 3Y 1,40% (+0,06 đpt); 5Y 1,64% (+0,09 đpt); 7Y 2,01% (+0,06 đpt); 10Y 2,53% (+0,02 đpt); 15Y 2,71% (-0,005 đpt); 30Y 3,02% (-0,03 đpt).

Diễn biến lợi suất trên thị trường thứ cấp								
% /năm	1Y	2Y	3Y	5Y	7Y	10Y	15Y	30Y
15-Mar-24	1.33	1.37	1.40	1.64	2.01	2.53	2.71	3.02
So WoW	0.04	0.05	0.06	0.09	0.06	0.02	-0.005	-0.03
So YoY	-2.43	-2.41	-2.39	-2.15	-1.79	-1.55	-1.51	-1.84
So YTD	-0.22	-0.19	-0.17	0.105	0.07	0.29	0.28	0.01



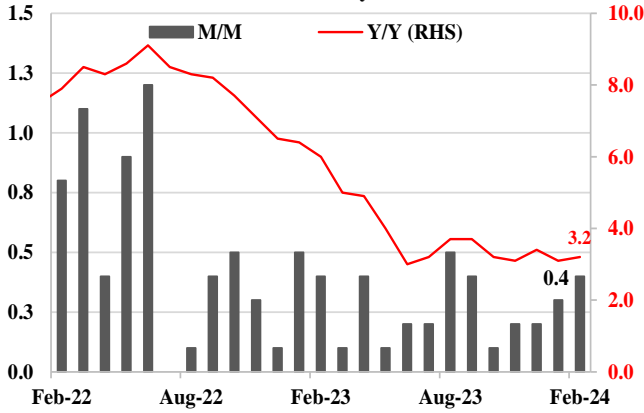
• **Thị trường chứng khoán**

	15/03/24	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm		1263.78	239.54	91.35
<i>thay đổi so với tuần trước</i>		1.32%	1.36%	0.13%
<i>thay đổi so với đầu năm</i>		11.85%	3.68%	4.95%
KLGD/phiên (tr.đ.v)		983.85	109.00	0.04
<i>thay đổi so với tuần trước</i>		40.01%	61.14%	-99.96%
GTGD/phiên (tỷ đ)		25275.50	2270.97	0.0005
<i>thay đổi so với tuần trước</i>		22.33%	26.95%	-64.40%
ĐTNN mua/bán ròng (tỷ đ)		(2,868.88)	(87.88)	(0.055)

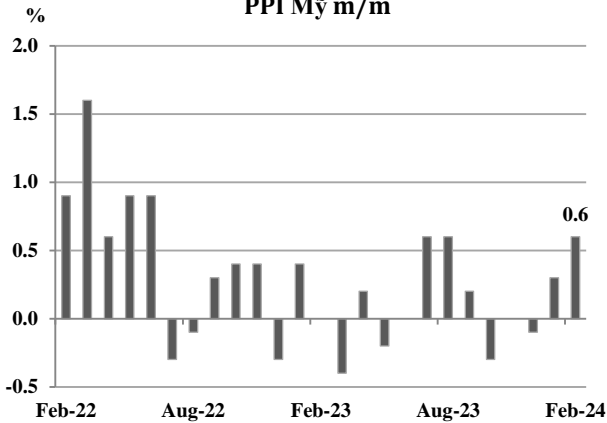
Trong tuần từ 11/03 - 15/03, thị trường chứng khoán điều chỉnh mạnh ở đầu tuần nhưng đã kịp phục hồi tích cực, sau đó rung lắc nhẹ trong những phiên cuối tuần. Chốt phiên 15/03, VN-Index đứng ở mức 1.263,78 điểm, tăng 16,43 điểm (+1,32%) so với cuối tuần trước đó; HNX-Index tăng 3,22 điểm (+1,36%) xuống mức 239,54 điểm; UPCOM-Index tăng nhẹ 0,12 điểm (+0,13%) đạt 91,35 điểm.

Thanh khoản thị trường ở mức cao, trung bình đạt 27.500 tỷ đồng/phiên, tuy nhiên vẫn sụt nhẹ so với mức 29.300 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh gần 3.000 tỷ đồng trên cả 3 sàn.

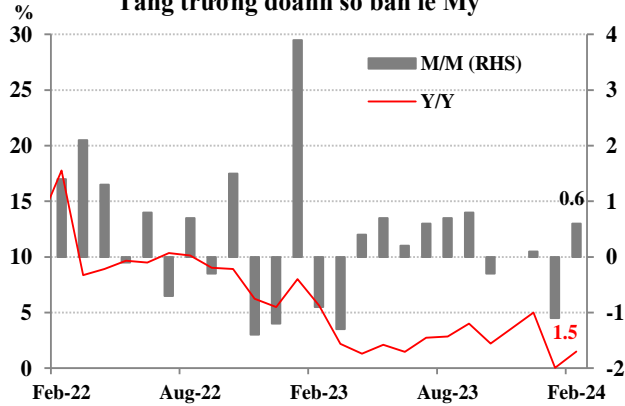
CPI Mỹ



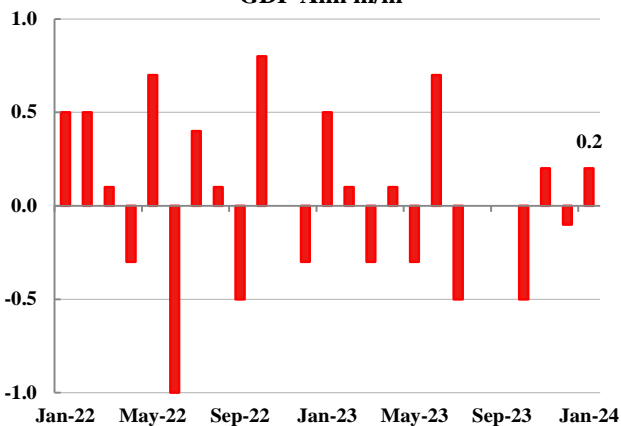
PPI Mỹ m/m



Tăng trưởng doanh số bán lẻ Mỹ

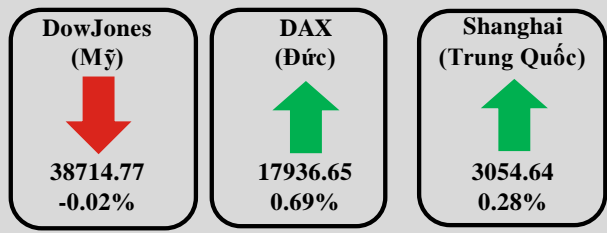


GDP Anh m/m



Nước Mỹ ghi nhận nhiều chỉ báo kinh tế quan trọng trước thềm cuộc họp của Fed. Liên quan đến lạm phát, Văn phòng Thống kê Mỹ cho biết chỉ số giá tiêu dùng CPI toàn phần và CPI lõi tại Mỹ cùng tăng 0,4% m/m trong tháng 2 sau khi lần lượt tăng 0,3% và 0,4% ở tháng trước đó, gần khớp với dự báo tăng 0,4% và 0,3% của các chuyên gia. Như vậy, so với cùng kỳ năm 2023, CPI toàn phần tại quốc gia này tăng khoảng 3,2% trong tháng 2 vừa qua, trái với dự báo duy trì mức tăng như tháng trước ở mức 3,1%. Tiếp theo, chỉ số giá sản xuất PPI toàn phần và PPI lõi tại Mỹ lần lượt tăng 0,6% và 0,3% m/m trong tháng 2 sau khi tăng 0,3% và 0,5% ở tháng trước đó, cùng mạnh hơn mức tăng 0,3% và 0,2% theo dự báo. So với cùng kỳ năm 2023, PPI toàn phần tăng 2,8% và PPI lõi tăng 1,6% y/y. Tiếp theo, về thị trường bán lẻ, doanh số bán lẻ toàn phần và doanh số bán lẻ lõi tại Mỹ lần lượt phục hồi 0,6% và 0,3% m/m trong tháng 2 sau khi giảm 1,1% và 0,8% ở tháng đầu năm, tuy nhiên vẫn thấp hơn so với kỳ vọng tăng 0,8% và 0,5%. Bước sang tháng 3, chỉ số niềm tin tiêu dùng tại Mỹ do Đại học Michigan khảo sát ghi nhận mức 76,5 điểm, giảm nhẹ so với 76,9 điểm của tháng 2 và trái với dự báo nhích nhẹ lên 77,1 điểm. Cuối cùng, về thị trường lao động, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ tuần kết thúc ngày 09/03 ở mức 209 nghìn đơn, không thay đổi nhiều so với mức 210 nghìn của tuần trước đó và thấp hơn so với mức 218 nghìn đơn theo dự báo. Số đơn trung bình 4 tuần gần nhất ở mức 208 nghìn, giảm nhẹ 500 đơn so với trung bình 4 tuần trước đó. Trong tuần này, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed sẽ có cuộc họp CSTT ngày 19-20/03, kết quả cuộc họp sẽ được công bố vào sáng sớm ngày 21/03 theo giờ Việt Nam. Theo kịch bản dự báo chiếm ưu thế của CME, Fed sẽ không thay đổi LSCS hiện ở mức 5,25% - 5,50% trong cuộc họp lần này, và sẽ chỉ cắt giảm vào kỳ họp ngày 12/06/2024.

Kinh tế Anh cũng đón nhiều chỉ báo đáng chú ý trong tuần qua. Đầu tiên, Văn phòng Thống kê Quốc gia Anh ONS cho biết GDP tại nước này tăng 0,2% m/m trong tháng 1 sau khi giảm 0,1% ở tháng trước đó, khớp với kỳ vọng của thị trường. Cũng trong tháng 1, sản lượng xây dựng tại nước Anh tăng mạnh 1,1% m/m sau khi giảm 0,5% ở tháng trước đó, trái với kết quả đi ngang (0,0% m/m) theo dự báo. Ngược lại, sản lượng công nghiệp tại Anh trong tháng 1 giảm nhẹ 0,2% m/m sau khi tăng 0,6% ở tháng cuối năm 2023. Tiếp theo, trong tháng 2, liên quan tới thị trường lao động Anh, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp tại quốc gia này tăng 16,8 nghìn đơn trong tháng vừa qua sau khi tăng 3,1 nghìn ở tháng trước đó, thấp hơn so với mức 20,3 nghìn theo dự báo. Tỷ lệ thất nghiệp tại nước Anh cũng tăng lên mức 3,9%, trái với dự báo tiếp tục ở mức 3,8% như tháng 1. Cuối cùng, thu nhập bình quân của người dân Anh tăng 5,6% trong 3m/y trong 3 tháng 12-01-02, giảm tốc nhẹ so với mức tăng 5,8% của 3 tháng 11-12-01 và đồng thời cũng thấp hơn mức tăng 5,7% theo dự báo. Trong tuần này, ngay sau Fed, NHTW Anh BOE cũng có cuộc họp CSTT ngày 21/03. Hầu hết thị trường cho rằng BOE sẽ giữ LSCS đi ngang ở mức 5,25%.

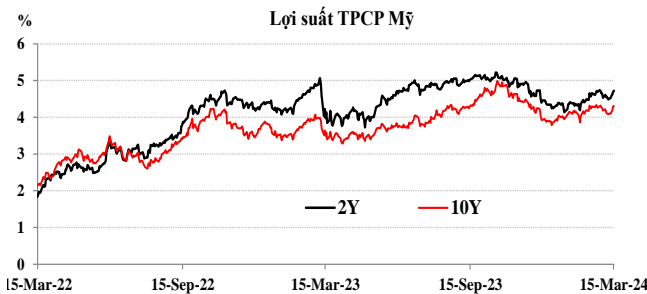


Chứng khoán thế giới phân hóa nhẹ trong tuần qua. Kết thúc phiên 15/03, chỉ số công nghiệp Dow Jones giảm nhẹ 0,02% w/w, DAX tăng 0,69% và Shanghai tiếp tục phục hồi 0,28%. Thị trường chứng khoán Mỹ rung lắc gần đỉnh thời đại khi các chỉ báo cho thấy áp lực lạm phát có dấu hiệu dai dẳng, có thể khiến thời điểm cắt giảm LSCS của Fed bị đẩy lùi. Mặc dù vậy, thị trường cũng có niềm tin rằng kinh tế Mỹ có thể hạ cánh mềm khi Fed bắt đầu nói lỏng trở lại.

	15 Mar 24	Tuần (%)	Đầu năm (%)	Biến động 2023 (%)
USD index	103.43	0.70%	2.07%	-2.11%
USD/CNY	7.20	0.14%	1.38%	2.91%
USD/EUR	0.92	0.46%	1.37%	-3.03%
USD/JPY	149.02	1.33%	5.64%	7.59%
USD/KRW	1330.63	1.11%	2.80%	2.66%
USD/SGD	1.34	0.46%	1.39%	-1.55%
USD/TWD	31.61	0.63%	3.01%	0.34%
USD/THB	35.86	1.39%	4.40%	-0.75%
USD/VND Trung tâm	23979	-0.07%	0.47%	1.08%
USD/VND LNH	24720	0.32%	1.94%	2.99%
USD/VND tự do	25468	0.60%	2.94%	4.40%
Vàng	2155.54	-1.01%	4.51%	13.06%
Dầu WTI	81.04	3.88%	13.11%	-10.73%

Giá vàng giảm, đóng cửa phiên ngày 15/03 ở mức 2.155,54 USD/oz, tương đương giảm 1,01% w/w. Kim loại quý này mất đi đà tăng 4 tuần liên tiếp trước đó khi sức mạnh của đồng USD có sự phục hồi, cũng liên quan tới kỳ vọng của thị trường về triển vọng cắt giảm LSCS của Fed trong tương lai.

Giá dầu tăng khá mạnh trong tuần qua. Kết thúc phiên ngày thứ Sáu, giá dầu WTI ở mức 81,04 USD/thùng, tương đương tăng 3,88% w/w. Nguyên nhân chủ yếu khiến giá dầu đi lên là do Cơ quan Năng lượng Quốc tế IEA nhận định thị trường dầu mỏ sẽ thắt chặt hơn và nâng dự báo về mức tăng nhu cầu dầu trong năm nay từ 1,2 triệu thùng/ngày lên 1,3 triệu thùng/ngày.



NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm
Email: ninhnh1@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích
Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ email: Research@msb.com.vn